

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày 30 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Khắc Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Dũng và ông Hoàng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 05 tháng 7 năm 1986 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: không; nơi cư trú: xóm 07 (xóm 13 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng L và bà Trần Thị B; có vợ Đậu Thị T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 20 tháng 4 năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 22 tháng 4 năm 2008 bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 12 tháng 4 năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 05 tháng 7 năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Quốc D, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1989 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: không; nơi cư trú: xóm 07 (xóm 13 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng V và bà Phạm Thị S; có vợ Nguyễn Thị G (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: ngày 27 tháng 5 năm 2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 13/2010/HSST; ngày 16 tháng 9 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 57/2016/HSST; ngày 20 tháng 3 năm 2017 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 23/2017/HSST; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến nay. Có mặt.

3. Võ Đình T, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1986 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: không; nơi cư trú: xóm 07 (xóm 13 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Đình H và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 29 tháng 6 năm 2005 bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13 tháng 5 năm 2011 bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến nay. Có mặt.

4. Nguyễn Thị L, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1969 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: không; nơi cư trú: xóm T (xóm 01 cũ), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị V; có chồng Võ Văn H và 05 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến ngày 03 tháng 6 năm 2020. Có mặt.

5. Lê Trọng H2, sinh ngày 11 tháng 3 năm 1967 tại huyện N, Nghệ An; tên gọi khác: không; nơi cư trú: xóm 06, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng V và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ Nguyễn Thị H và 05 con; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: ngày 30 tháng 11 năm

1994 bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13 tháng 11 năm 2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 15 tháng 9 năm 2004 bị Công an huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản”; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến nay. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; nơi cư trú: xóm 01, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1964; nơi cư trú: xóm 01, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1986; nơi cư trú: xóm 01, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

4. Anh Lương Đăng D, sinh năm 1984; nơi cư trú: xóm 04, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1983; nơi cư trú: khối 12, phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6. Bà Trần Thị V1, sinh năm 1956; nơi cư trú: xóm 02, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

7. Chị Lê Thị C, sinh năm 1981; nơi cư trú: xóm 01, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

8. Ông Võ Tuấn K, sinh năm 1956; nơi cư trú: xóm 08, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1960; nơi cư trú: xóm 09, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lương Thị Ngọc A, sinh năm 1986; nơi cư trú: xóm 07, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 10 năm 2019, Nguyễn Hoàng H1 gặp Nguyễn

Thị L để thỏa thuận việc mua bán chó trộm được. Hai bên thống nhất mua bán chó thả bả, nếu chó chết thì giá 50.000 đồng/01 kg, nếu chó sống thì giá 60.000 đồng/01 kg. Sau khi thỏa thuận được việc mua bán chó, H1 cùng đồng phạm đã thực hiện các vụ trộm cắp, tiêu thụ chó như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 06 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Hoàng H1 rủ Nguyễn Quốc D đi thả bả bắt trộm chó, D đồng ý. Hai điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, Biển kiểm soát 47N4-3609, cầm theo túi bả chó cùng 01 bì xác rắn, Trần Văn M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ đen, không rõ biển kiểm soát chở D đi đến khu vực đường N5 thuộc địa phận xã N, huyện N để thả bả chó. Tại đây, Hai đưa cho D, M mỗi người cầm 01 túi bả, H1 cầm 01 túi bả, cả ba đi thả bả lần lượt trên đường qua khu vực nhà ở của bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị T2. Khoảng 10 phút sau quay lại thấy 03 con chó cái màu vàng, mỗi con nặng 15 kilôgam của chị T1, anh H3, chị T2 đã chết nằm bên đường thì cả ba nhặt chó bỏ vào bì rồi đưa về nhà Nguyễn Thị L ở xóm T, xã N, huyện N để bán. Tại nhà L, sau khi cân chó xong thì L trả cho H1 số tiền 2.200.000 đồng. H1 chia cho D, M mỗi người 800.000 đồng, còn 600.000 đồng H1 giữ lại, rồi cả ba đi về nhà.

Khoảng 13 giờ ngày 12 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Hoàng H1 rủ Võ Đình T đi thả bả để trộm chó bán lấy tiền tiêu xài, Trọng đồng ý. H1 đưa cho T 04 bả chó rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, Biển kiểm soát 47N4-3609 chở Trọng đi đến khu vực xã N, huyện N để thả bả chó. Khi đi trên đường thấy 01 con chó cái màu đen vàng, nặng 15 kilôgam và 01 con chó cái màu vàng nặng 13 kilôgam của anh Lương Đăng D thì T dùng bả ném ra cho chó ăn rồi đi cách xa đứng chờ, khi thấy 02 con chó ăn bả đã chết thì H1 quay xe lại, Trọng xuống xe nhặt chó bỏ vào bì tải, cả hai đi đến nhà Nguyễn Thị L để bán nhưng do trời nắng nóng nên L không mua. Lúc này, H1 gọi điện thoại di động cho Lê Trọng H2 hỏi: *“Trời nắng anh có mua hai con chó làm thịt không”*, H2 nói: *“Hàng ngon không, nếu ngon để tau làm thịt ăn”*. H1, T đi đến nhà H2 ở xóm 6, xã N, huyện N. Tại đây, H2 hỏi: *“Chó mô đó”*, H1 trả lời: *“Chó vừa đi làm về”* (Ý nói chó vừa đi trộm về), H2 đồng ý mua và trả cho H1 số tiền 1.000.000 đồng, H1 chia cho T số tiền 500.000 đồng, rồi cả hai đi về nhà.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 15 tháng 3 năm 2020, Trần Văn M rủ Nguyễn Hoàng H1 đi thả bả để trộm chó bán lấy tiền tiêu xài, H1 đồng ý. H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, Biển kiểm soát 47N4-3609 chở M đi đến xã N,

thị xã C để thả bả chó. Khi đến khu vực nhà ở của anh Nguyễn Văn X ở khối 12, phường N, Thị xã C thì thấy 01 con chó cái màu lông vàng, nặng 10 kilôgam của anh X đang đứng bên đường, M lấy bả ném ra cho chó ăn rồi cả hai tiếp tục đi xe thêm một quãng thì quay xe lại. Lúc này, con chó của anh X đã ăn bả chết nằm bên đường. H1 dừng xe, M xuống nhặt chó bỏ vào bì tải rồi đưa về nhà Nguyễn Thị L để bán cho L, L trả cho H1 số tiền 500.000 đồng, H1 chia cho M một nửa số tiền rồi cả hai tiếp tục đi trộm chó. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H1 và M tiếp tục bắt trộm 01 con chó cái màu đen vàng nặng 15 kilôgam của bà Trần Thị V1 tại xóm 2, xã N và 01 con chó cái màu xám đen nặng 18 kilôgam của chị Lê Thị C tại xóm 1, xã N, huyện N bỏ vào bì tải rồi đưa về nhà Nguyễn Thị L để bán, L trả cho M số tiền 1.700.000 đồng, rồi cả hai tiếp tục đi trộm chó. Khoảng 0 giờ 15 phút ngày 16 tháng 3 năm 2020, H1 và M tiếp tục bắt trộm 01 con chó đực màu vàng nhạt nặng 09 kilôgam của ông Võ Tuấn K tại xóm 8, xã N; tiếp đó, H1 dừng xe, M vào nhà bà Nguyễn Thị V2 ở xóm 9, xã N, huyện N bắt trộm 01 con chó đực màu đen vàng, nặng 12 kilôgam, khi mang chó ra ngoài thì bị người dân phát hiện, truy đuổi. H1, M bỏ chó lại rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Quốc D, Võ Đình T, Lê Trọng H ra đầu thú, giao nộp vật chứng và khai nhận hành vi phạm tội, riêng Trần Văn M bỏ trốn.

Tại Kết luận định giá số 12/KL.ĐG ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá xác định: 01 con chó cái màu vàng nặng 15 kg, loại chó cỏ của bà Nguyễn Thị T1 có trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu vàng nặng 15 kg, loại chó cỏ của anh Nguyễn Văn H3 có trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu vàng nặng 15 kg, loại chó cỏ của chị Nguyễn Thị T2 có trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu đen vàng, nặng 15 kg, 01 con chó cái màu vàng nặng 13 kg, đều là loại chó cỏ của anh Lương Đăng D có trị giá là 2.520.000 đồng; 01 con chó cái màu lông vàng, loại chó cỏ, nặng 10 kg của anh Nguyễn Văn X có trị giá là 900.000 đồng; 01 con chó cái màu đen vàng, loại chó cỏ, nặng 15 kg của bà Trần Thị V1 có trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu xám đen, loại chó lai, nặng 18 kg của chị Lê Thị C có trị giá là 1.620.000 đồng; 01 con chó đực màu vàng nhạt, loại chó cỏ nặng 09 kg, trên cổ có sợi xích bằng sắt của ông Võ Tuấn K có trị giá là 810.000 đồng; 01 con chó đực màu đen vàng, loại chó cỏ, nặng 12kg của bà Nguyễn Thị V2 có trị giá là 1.080.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 12.330.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 61/CT-VKS-NL ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Quốc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015; các bị cáo Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị L, Võ Đình T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015; bị cáo Lê Trọng H2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc giữ quyền công tố và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị L, Võ Đình T về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Trọng H2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D từ 12 tháng đến 14 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H1 từ 12 tháng đến 14 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 03 tháng đến 04 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Võ Đình T từ 06 tháng đến 07 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt Lê Trọng H2 03 tháng 14 ngày tù, trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên tòa.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim 0833844789 thu giữ của Lê Trọng H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel X9 màu vàng, đã qua sử dụng có số IMEI1 3S2116896439328, IMEI2 3S211689064439336, có gắn thẻ sim 0986062708; 01 chiếc cân lò xo màu xanh 100kg, bên trên có dòng chữ “NHƠN HÒA” thu giữ của Nguyễn Thị L; trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng H1 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng.

Các bị cáo nhất trí với Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc và không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Quốc D, Võ Đình T, Lê Trọng H: Các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 06 tháng 3 năm 2020 đến ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại địa bàn các xã N, huyện N và phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An. Sau khi thỏa thuận, hứa hẹn trước với Nguyễn Thị L về việc L sẽ mua lại chó do mình bắt trộm được, Nguyễn Hoàng H1 đã cùng Nguyễn Quốc D, Võ Đình T với phương thức, thủ đoạn sử dụng xe mô tô đi dọc các tuyến đường, thả bả chó để chó ăn vào rồi chết hoặc ngất đi, sau đó chiếm đoạt, đưa đến bán cho Nguyễn Thị L và Lê Trọng H2 lấy tiền chia nhau tiêu xài, cụ thể:

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, H1 và D đã thả bả chiếm đoạt được 01 con chó cái màu vàng nặng 15 kg của bà Nguyễn Thị T1 trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu vàng nặng 15 kg của anh Nguyễn Văn H3 trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu vàng nặng 15 kg của chị Nguyễn Thị T2 trị giá là 1.350.000 đồng, tổng giá trị 4.050.000 đồng, sau khi chiếm đoạt được đưa đến bán cho L lấy 2.200.000 đồng;

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, H1 và T đã thả bả chiếm đoạt được 01 con chó cái màu đen vàng, nặng 15 kg và 01 con chó cái màu vàng nặng 13 kg của anh Lương Đặng D trị giá là 2.520.000 đồng, đưa đến bán cho H2 lấy 1.000.000 đồng;

Đêm ngày 15 tháng 3, rạng ngày 16 tháng 3 năm 2020, H1 đã thả bả chiếm đoạt được 01 con chó cái màu lông vàng, nặng 10 kg của anh Nguyễn Văn X trị giá là 900.000 đồng; 01 con chó cái màu đen vàng, nặng 15 kg của chị Trần Thị V1 trị giá là 1.350.000 đồng; 01 con chó cái màu xám đen, nặng 18 kg của chị Lê Thị C trị giá là 1.620.000 đồng; đưa đến bán cho L lấy 2.200.000 đồng. Sau đó tiếp tục đi chiếm đoạt 01 con chó đực màu vàng nhạt, nặng 09 kg của anh Võ Tuấn K trị giá là 810.000 đồng và 01 con chó đực màu đen vàng, nặng 12 kg của chị Nguyễn Thị V2 trị giá là 1.080.000 đồng, chưa kịp đưa đi bán thì bị người dân phát hiện, truy đuổi; tổng giá trị là 5.760.000 đồng.

Xét thấy hành vi của các bị cáo H1, T, D và L là lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo L tham gia với vai trò giúp sức vì hứa hẹn trước với bị cáo H1 sẽ mua chó bị cáo H1 trộm cắp được. Do đó, hành vi của các bị cáo H1, T và L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Còn bị cáo H2 không hứa hẹn trước, biết rõ tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nhưng vẫn mua nên hành vi của bị cáo H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt chính: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng và ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Vì thế cần phải xử lý nghiêm, cách ly tất cả các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Hoàng H1 là người khởi xướng, người thực hành tích cực nhất trong vụ án, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân xấu, đã

04 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Quốc D là người bị rủ rê 01 lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng cũng là người thực hành tích cực, đã có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xoá án tích, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Tuy nhiên cả hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, đó là: các bị cáo thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1), sau khi phạm tội các bị cáo đến cơ quan điều tra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt (khoản 2). Ngoài ra, bị cáo D còn có thêm các tình tiết giảm nhẹ là tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại (điểm b khoản 1), đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong phát hiện tội phạm (điểm t khoản 1), phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn – giá trị tài sản chiếm đoạt 4.050.000 đồng (điểm h khoản 1); bị cáo H1 có công cứu người gặp nạn trong công tác cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai tại địa bàn xã N (khoản 2). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo D để xử phạt bị cáo D bằng mức hình phạt của bị cáo H1 là phù hợp.

Bị cáo Võ Đình T là người bị rủ rê nhưng cũng thực hành tích cực, bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, mặc dù đã được xoá án tích nhưng nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều này, chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, không chịu rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm cao thứ hai trong vụ án, sau bị cáo H1 và bị cáo D. Tuy nhiên, Hội đồng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt bởi bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, đó là: thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1); phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn – giá trị tài sản chiếm đoạt 2.520.000 đồng (điểm h khoản 1); sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú, bố, mẹ của bị cáo là người có công với cách mạng (khoản 2).

Bị cáo Nguyễn Thị L là người phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1); bị cáo đã tích cực giúp cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (điểm t khoản 1); tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại (điểm b khoản 1), sau khi phạm tội bị cáo đến cơ quan điều tra đầu thú, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (khoản 2). Bị cáo Lê Trọng H2 là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy nhiên bị cáo chỉ 01 lần tiêu

thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với giá trị không lớn (2.520.000 đồng). Bị cáo cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s khoản 1); tích cực giúp cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm (điểm t khoản 1); phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (điểm h khoản 1); sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú, bị cáo có công cứu người gặp nạn trong công tác cứu nạn, cứu hộ, phòng chống thiên tai tại địa bàn xã N (khoản 2). Vì vậy, bị cáo L và bị cáo H2 chịu hình phạt bằng nhau, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đủ nghiêm.

[4] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” và tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo đều lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Văn H3, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn X, chị Lê Thị C ông Võ Tuấn K, bà Nguyễn Thị V1 và bà Trần Thị V2 đã nhận lại tài sản và đã được bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Lương Đăng D yêu cầu các bị cáo bồi thường 2.520.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng H1 và Võ Đình T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh D. Do đó, buộc bị cáo H1 và bị cáo T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh D số tiền là 2.520.000 đồng, kỷ phần mỗi bị cáo là 1.260.000 đồng.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim: 0833844789 thu giữ của Lê Trọng H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel X9 màu vàng, đã qua sử dụng có số IMEI1 3S2116896439328, IMEI2 3S211689064439336, có gắn thẻ sim: 0986062708; 01 chiếc cân lò xo màu xanh 100kg, bên trên có dòng chữ “NHƠN HÒA” thu giữ của Nguyễn Thị L là phương tiện phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng, bên ngoài có dòng chữ: “*Tặng CK tương lai HA 07/05/1986*” thu giữ của Nguyễn Hoàng H1, không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với - 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA TARIUS màu đen, Biển kiểm soát 47N4-3609, số khung: 6S209Y066083, số máy: 16S2066085 mà bị cáo Nguyễn Hoàng H1 sử dụng làm phương tiện phạm tội, xe được đăng ký chính chủ tên Nguyễn Thanh T (Sinh năm 1990, trú tại thôn M, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk), Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 con chó cái màu đen, chân vàng, trọng lượng 12 kg và 01 con chó cái màu vàng đen, có trọng lượng 08 kg thu giữ tại nhà Nguyễn Thị L, không xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu, 02 con chó đã chết, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định tiêu hủy bằng hình thức chôn lấp là phù hợp.

[7] Về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị L, Võ Đình T, Lê Trọng H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Hoàng H1, Võ Đình T còn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đối với Trần Văn M hiện đang bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nghi Lộc đã ra Quyết định truy nã số 02 ngày 06 tháng 5 năm 2020, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Quốc D, Võ Đình T và Nguyễn Thị L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Trọng H2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng H1 01 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quốc D 01 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Võ Đình T 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị L 03 tháng 14 ngày tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án; nhưng được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến ngày 03 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm h, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Lê Trọng H2 03 tháng 14 ngày tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 16 tháng 3 năm 2020; trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Trọng H2.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 587 và Điều 588 của Bộ luật dân sự, buộc Nguyễn Hoàng H1 và Võ Đình T phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Lương Đặng D số tiền là 2.520.000 đồng; kỷ phần mỗi bị cáo là 1.260.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đen, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim 0833844789; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel X9 màu vàng, đã qua sử dụng có số IMEI1 3S2116896439328, IMEI2 3S211689064439336, có gắn thẻ sim 0986062708; 01 chiếc cân lò xo màu xanh 100kg, bên trên có dòng chữ “NHON HÒA”; trả lại cho bị cáo Nguyễn Hoàng H1 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng (Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc theo biên bản giao nhận ngày 12 tháng 6 năm 2020).

Về án phí: áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Quốc D, Võ Đình T, Lê Trọng H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Hoàng H1 và Võ Đình T mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại; NLQ
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- VKS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Nghi Lộc;
- Chi cục thi hành án huyện Nghi Lộc;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Khắc Chiến